

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TP.BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ – ST

Ngày 22/5/2020.

V/v: Xin ly hôn và con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUẬT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Kam Ênuôl

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Cẩm.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 680/2019//TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXX – HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 44 ngày 07 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị Tr, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện E, Tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Kế T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã E, thành phố B, Tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Nguyên đơn chị Hồ Thị Tr trình bày:** Tôi và anh Nguyễn Kế T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/02/2014.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống chung được thời gian thì đến tháng 12 năm 2018 thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng sống ly thân nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nguyên vọng của tôi là xin được ly hôn với anh Nguyễn Kế T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 28/4/2014.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành C cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

**\* Theo bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Kế T trình bày:**

Tôi và chị Hồ Thị Tr tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/02/2014.

Quá trình chung sống vợ chồng sống chung được một thời gian, sau đó thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là quan điểm sống chưa hợp nhau, mặc dù tôi đã cố gắng khắc phục những khuyết điểm để hai vợ chồng sống hòa hợp. Hiện nay, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay tôi vẫn còn tình cảm với chị Tr và muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 28/4/2014. Hiện nay cháu đang ở với mẹ.

Nếu vợ chồng không đoàn tụ được dẫn đến việc ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thành C và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – anh Nguyễn Kế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh T tại phiên Tòa: Anh T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh T vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

Chị Hồ Thị Tr và anh Nguyễn Kế T có đăng ký kết hôn tại xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/02/2014 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị Tr xác định hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Kế T.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa chị Tr và anh T có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã giữa anh T và chị Tr đã sống ly thân được một thời gian.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Tr và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhau mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Tr đối với anh Nguyễn Kế T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống với nhau chị Tr và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Thành C, sinh ngày 28/4/2014. Sau khi ly hôn chị Tr có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cháu C đến khi trưởng thành, quá trình làm việc tại Tòa án anh T cho rằng nếu hai vợ chồng không đoàn tụ lại được với nhau thì anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu C. Tuy nhiên, sau khi hai vợ chồng ly thân cháu C đều do chị Tr nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến nay. Ngoài ra, đến thời điểm xét xử cháu C còn nhỏ và dưới 07 tuổi cần sự chăm sóc của mẹ thường xuyên. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu C Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Thành C cho chị Hồ Thị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Kế T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con

chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hồ Thị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hồ Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hồ Thị Tr. Cho chị Hồ Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Kế T.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 28/4/2014 cho chị Hồ Thị Tr chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Anh Nguyễn Kế T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị Tr không yêu cầu anh Nguyễn Kế T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị Hồ Thị Tr phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà chị Hồ Thị Tr đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002291 ngày 23/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã C, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Y Kam Ênuôl**